TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ – ST
Ngày 26/11/2025
V/v: Tranh chấp về HN và GĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HƯNG YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Đức;

2. Bà Nguyễn Thị An.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên tham gia phiên tòa:* Bà Lại Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2025/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (nay là thôn T, phường V, tỉnh Hưng Yên.

Nơi thường trú: Kagoshima-ken, Izumi-shi, Takaono-cho Shibahiki 2697-2, Nhật Bản.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (nay là: thôn T, phường V, tỉnh Hưng Yên).

(Chị Trịnh Thị Ngà và anh Trịnh Văn Trường đều có đơn xin vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày và có yêu cầu như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn Tr tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã ã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (nay là: thôn T, phường V, tỉnh

Hưng Yên) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01 ngày 21/11/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2020 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có sự khác biệt nhau về tính cách và lối sống sinh hoạt hằng ngày. Ngày qua ngày, các mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung. Mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần, xong tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Việc giữ lại hôn nhân chị cảm thấy thêm bế tắc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đính hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Trịnh Văn T.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh Trịnh Văn T có hai con chung là Trịnh Xuân T, sinh ngày 26/9/2002 và Trịnh Hải A, sinh ngày 01/3/2010. Sau ly hôn, chị đề nghị giải quyết về con chung như sau: đối với con Trịnh Xuân T đã trên 18 tuổi, có thể tự lo cho cuộc sống nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với con Trịnh Hải A sẽ giao cho bố Trịnh Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị có quyền thăm con mà không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị và anh Trịnh Văn Tr tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Trịnh Văn T tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra chị nộp đơn xin vắng mặt lý do tính chất công việc của chị tại Nhật Bản cũng như điều kiện chị không thể có mặt trực tiếp trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn. Đơn xin vắng mặt có lời chứng và đóng dấu giáp lai của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka - Nhật Bản ông Vũ Xuân T.

** Tại bản tự khai của anh Trịnh Văn Trường trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị N tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (nay là: thôn T, phường V, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 21/11/2001. Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống với bố mẹ đẻ tôi tại xóm 7, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên. Chúng tôi chung sống hạnh phúc một thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn do chị Ngà đi nước ngoài nên vợ chồng không còn gắn bó. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2023, kể từ khi chị N đi nước ngoài cho đến nay. Nay chị Ngà có đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị Ngà.

- Về quan hệ con chung: Anh và chị Trịnh Thị N có 02 con chung là Trịnh Xuân T, sinh ngày 26/9/2002 và Trịnh Hải A, sinh ngày 01/3/2010. Hiện tại cả hai con đang ở chung với anh. Con Trịnh Văn T đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải

quyết. Để thuận tiện cho việc học hành và sinh hoạt của con, tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Trịnh Hải A, yêu cầu chị N góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Trịnh Thị N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/11/2025, anh Trịnh Văn T trình bày: Tại bản tự khai trước anh nộp cho Toà án có yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Cụ thể, anh yêu cầu chị Trịnh Thị N góp cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trịnh Hải A (sinh ngày 01/3/2010) với mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Nay anh T trình bày lại quan điểm về con chung: anh và chị N có 02 con chung là cháu Trịnh Xuân T (Sinh ngày: 26/09/2002; Giới tính: Nam); cháu Trịnh Hải A (Sinh ngày: 01/03/2010; Giới tính: Nam). Cháu Trịnh Xuân T đã trên 18 tuổi, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết. Cháu Trịnh Hải A chưa đến tuổi trưởng thành, sau ly hôn anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Anh xin rút lại yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh 2.500.00 đồng/tháng. Anh và chị N tự thoả thuận về vấn đề cấp dưỡng nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với các vấn đề về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung anh xin giữ nguyên quan điểm tại Bản tự khai trước.

Anh Trường có đơn xin không tiến hành hoà giải và vắng mặt tại phiên toà.

**Tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con, cháu Trịnh Hải A – trình bày như sau:*

Cháu Trịnh Hải A, sinh ngày 01/3/2010 – là con chung của anh Trịnh Văn T và chị Trịnh Thị N. Hiện tại cháu Anh đang học lớp 10 Trường phổ thông Chuyên tỉnh Thái Bình, đang ở cùng anh T, nguyện vọng của cháu A là được ở cùng anh Trường.

** Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên phát biểu ý kiến:*

1. Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, có bản tự khai, giao nộp các tài liệu, chứng cứ, có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và phiên toà.

2. Về nội dung:

Đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; 96; 97; 147; 227; 228; 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng Dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 và Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn với anh Trịnh Văn T.

- Về quan hệ con chung: Giao con Trịnh Hải A, sinh ngày 01/3/2010 cho anh Trịnh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trịnh Thị N không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung Trịnh Hải Anh.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Trịnh Thị Ngà phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng: Chị Trịnh Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Thanh Miếu, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (nay là: thôn T, phường V, tỉnh Hưng Yên) hiện đang sinh sống và làm việc tại Kagoshima-ken, Izumi-shi, Takaono-cho Shibahiki 2697-2, Nhật Bản có đơn xin ly hôn có đơn xin vắng mặt và xét xử vắng mặt tại phiên tòa có lời chứng của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka - Nhật Bản, ông Vũ Xuân Trường, có đóng dấu giáp lai. Anh Trịnh Văn T có nơi cư trú tại thôn T, phường V, tỉnh Hưng Yên. Toà án không tiến hành hoà giải được lý do chị Ng vắng mặt tại buổi hoà giải, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt chị N, anh T.

II. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị N và anh Trịnh Văn T được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Phúc, thị xã T, tỉnh Thái Bình (phường V, tỉnh Hưng Yên) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị N trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có sự khác biệt nhau về tính cách và lối sống sinh hoạt hằng ngày. Anh T trình bày là do năm 2023 chị Ngà đi nước ngoài nên vợ chồng không gắn bó, anh chị sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, anh nhất trí ly hôn. Xét thấy trên thực tế cuộc sống chung giữa chị N và anh T đã không còn tồn tại, tình yêu thương đối với nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh T.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Trịnh Thị N và anh Trịnh Văn T có hai con chung là Trịnh Xuân T, sinh ngày 26/9/2025 và Trịnh Hải A, sinh ngày 01/3/2010. Con Trịnh Xuân T đã trên 18 tuổi, đầy đủ nhận thức, có khả năng lao động, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết về việc nuôi dưỡng. Đối với con Trịnh Hải A, chị N và anh T đều thống nhất giao con Hải A cho anh Trịnh Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N trình bày chị và anh Trịnh Văn T tự thoả thuận, anh T trình bày không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con Hải A cùng anh T. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung cũng như ổn định cuộc sống của con chung cũng như việc thống nhất giao con Hải A của chị N và anh T, cần giao con Hải A cho anh Trường trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ngà không phải cấp dưỡng nuôi con Hải A cùng anh T.

[3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Thị N và anh Trịnh Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nên Tòa án không giải quyết về tài sản, khi các đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 469, khoản 1 Điều 470, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng Dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Trịnh Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Chị Trịnh Thị N và anh Trịnh Văn T có 02 Trịnh Xuân T, sinh ngày 26/9/2002 và Trịnh Hải A, sinh ngày 01/3/2010. Con Trịnh Xuân T đã trên 18 tuổi, đầy đủ nhận thức, có khả năng lao động, tự lập về kinh tế.

Xử giao con Trịnh Hải A, sinh ngày 01/3/2010 cho anh Trịnh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trịnh Thị N không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung Trịnh Hải A cho anh Trịnh Văn T.

Chị Trịnh Thị N, anh Trịnh Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0000952 ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên sang thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, anh Trịnh Văn T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 5 – Hưng Yên;
- UBND phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Anh Tuấn